

Số: **1356**
/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày **18** tháng **5** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy trình miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng là cơ quan hải quan, công chức hải quan có liên quan đến việc thực hiện thủ tục miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 4073/QĐ-TCHQ ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy trình giải quyết miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy trình ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trường hợp phát sinh vướng mắc, các đơn vị báo cáo để Tổng cục Hải quan xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thứ trưởng Vũ Thị Mai (để báo cáo);
- Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Cẩn (để báo cáo);
- Vụ PC, Vụ CST, Vụ I- Bộ TC (để phối hợp);
- Các Phó TCT (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, TXNK (14b)

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lưu Mạnh Tường

QUY TRÌNH

**Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa chuyên dùng
phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1356**/QĐ-TCHQ ngày **18** tháng **5** năm 2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)*

Mục 1

**TIẾP NHẬN, THEO DÕI KẾ HOẠCH NHẬP KHẨU HÀNG HÓA
CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ TRỰC TIẾP CHO AN NINH, QUỐC
PHÒNG TẠI TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**Điều 1. Tiếp nhận, phân công xử lý Kế hoạch nhập khẩu hàng hóa
chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng**

Khi Kế hoạch nhập khẩu hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng hàng năm của Bộ Công an/Bộ Quốc phòng (sau đây viết tắt là Kế hoạch nhập khẩu) được gửi đến Tổng cục Hải quan qua đường bưu chính hoặc gửi trực tiếp tại Tổng cục Hải quan, việc tiếp nhận, phân công xử lý được thực hiện như sau:

1. Tại Văn phòng Tổng cục: Văn thư, Bộ phận một cửa Văn phòng Tổng cục thực hiện tiếp nhận Kế hoạch nhập khẩu, xử lý theo quy định về công tác văn thư của Tổng cục Hải quan, chuyển Cục Thuế xuất nhập khẩu.

2. Tại Cục Thuế xuất nhập khẩu: Văn thư Cục Thuế xuất nhập khẩu tiếp nhận Kế hoạch nhập khẩu từ Văn phòng Tổng cục và tiếp tục xử lý theo quy định tại Quy chế văn thư của Cục Thuế xuất nhập khẩu, chuyển Phòng chuyên môn được giao.

Lãnh đạo Phòng được giao giải quyết hồ sơ miễn thuế hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng (hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng sau đây viết tắt là hàng ANQP) thực hiện phân công chức xử lý Kế hoạch nhập khẩu.

Điều 2. Theo dõi, trừ lùi Kế hoạch nhập khẩu

1. Công chức hải quan được phân công xử lý Kế hoạch nhập khẩu thực hiện:

a) Lập Bảng theo dõi Kế hoạch nhập khẩu theo mẫu số 01/HNNK Phụ lục ban hành kèm theo Quy trình này đối với từng mục tại Kế hoạch nhập khẩu;

b) Trừ lùi hạn ngạch trên Bảng theo dõi Kế hoạch nhập khẩu theo từng hồ sơ đề nghị miễn thuế mà công chức được giao xử lý hồ sơ đề nghị miễn thuế cung cấp.

2. Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Cục được giao xử lý miễn thuế hàng ANQP kiểm tra, phê duyệt đề xuất trừ lùi hạn ngạch tại Bảng theo dõi Kế hoạch nhập khẩu theo từng hồ sơ đề nghị miễn thuế.

Mục 2

TRÌNH TỰ BAN HÀNH THÔNG BÁO MIỄN THUẾ TRƯỚC KHI LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN TẠI TỔNG CỤC HẢI QUAN

Điều 3. Tiếp nhận, phân công xử lý hồ sơ đề nghị miễn thuế

Hồ sơ đề nghị miễn thuế hàng ANQP của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng gửi đến Tổng cục Hải quan qua đường bưu chính hoặc gửi trực tiếp tại Tổng cục Hải quan. Việc tiếp nhận, phân công xử lý được thực hiện như sau:

1. Tại Văn phòng Tổng cục: Văn thư, Bộ phận một cửa Văn phòng Tổng cục thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn thuế và xử lý theo quy định về công tác văn thư của Tổng cục Hải quan, chuyển hồ sơ đến Cục Thuế xuất nhập khẩu theo chế độ chuyển giao văn bản có hạn xử lý GẤP.

2. Tại Cục Thuế xuất nhập khẩu: Văn thư Cục Thuế xuất nhập khẩu tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn thuế từ Văn phòng Tổng cục và tiếp tục xử lý theo quy định tại Quy chế văn thư của Cục Thuế xuất nhập khẩu, chuyển hồ sơ đến Phòng được giao xử lý hồ sơ theo chế độ chuyển giao văn bản có hạn xử lý GẤP.

Lãnh đạo Phòng được giao giải quyết hồ sơ đề nghị miễn thuế hàng ANQP thực hiện phân công công chức xử lý hồ sơ đề nghị miễn thuế theo quy định.

Điều 4. Kiểm tra, xử lý hồ sơ đề nghị miễn thuế

1. Kiểm tra sơ bộ hồ sơ đề nghị miễn thuế:

a) Hồ sơ đề nghị miễn thuế hàng ANQP theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP và điểm a.1 khoản 2 Điều 14 Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, bao gồm:

a.1) Công văn đề nghị miễn thuế của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ủy quyền, phân cấp theo mẫu số 03a tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: 01 bản chính;

a.2) Hợp đồng mua bán hàng hóa: 01 bản chụp;

a.3) Hợp đồng ủy thác nhập khẩu hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa theo văn bản trúng thầu hoặc văn bản chỉ định thầu: 01 bản chụp;

a.4) Giấy phép nhập khẩu của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: 01 bản chính;

a.5) Các tài liệu, chứng từ có liên quan khác tại hồ sơ miễn thuế (nếu có).

b) Công chức được phân công xử lý hồ sơ thực hiện kiểm tra sơ bộ hồ sơ đề nghị miễn thuế:

b.1) Kiểm tra tính đầy đủ của các loại chứng từ, tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị miễn thuế.

b.2) Kiểm tra tính hợp lệ về bản chính, bản chụp.

Trường hợp một giấy phép nhập khẩu được đề nghị miễn thuế nhiều lần thì công chức kiểm tra bản chính giấy phép đối với lần đề nghị miễn thuế đầu tiên; kiểm tra bản chụp có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp nhập khẩu cho những lần đề nghị tiếp theo và đối chiếu với bản chính đã được lưu tại hồ sơ đề nghị miễn thuế lần đầu.

b.3) Kiểm tra tính đồng bộ của các loại chứng từ, tài liệu trong bộ hồ sơ.

c) Xử lý kết quả kiểm tra:

c.1) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc chưa đồng bộ thì công chức xử lý hồ sơ thực hiện như sau:

c.1.1) Lập Tờ trình về việc yêu cầu bổ sung hồ sơ kèm dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, trong đó nêu rõ tài liệu cần bổ sung.

c.1.2) Trình Lãnh đạo Phòng và Lãnh đạo Cục phê duyệt ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

c.1.3) Sau khi nhận được thông tin bổ sung hồ sơ, công chức xử lý hồ sơ thực hiện tuần tự các bước công việc theo hướng dẫn tại Điều này, Điều 5 Quy trình này.

c.2) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đồng bộ thì công chức thực hiện kiểm tra chi tiết hồ sơ tại khoản 2 Điều này.

2. Kiểm tra chi tiết hồ sơ đề nghị miễn thuế:

a) Kiểm tra cơ sở xác định hàng hóa phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng được miễn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 134/2016/NĐ-CP:

a.1) Hiệu lực của giấy phép.

a.2) Hàng hóa thuộc Kế hoạch nhập khẩu hàng hóa chuyên dùng trực tiếp phục vụ an ninh, quốc phòng.

a.3) Hàng hóa là phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Kiểm tra sự phù hợp của các tài liệu trong hồ sơ:

b.1) Thông tin hàng hóa đề nghị miễn thuế trong Hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng ủy thác nhập khẩu hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa; Giấy phép nhập khẩu và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

b.2) Giá cung cấp hàng hóa tại hợp đồng ủy thác nhập khẩu hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa theo văn bản trúng thầu hoặc văn bản chỉ định thầu.

c) Xử lý kết quả kiểm tra:

c.1) Trường hợp hồ sơ có thông tin chưa rõ ràng thì công chức xử lý hồ sơ thực hiện các bước sau:

c.1.1) Lập Tờ trình về việc yêu cầu giải trình hồ sơ kèm dự thảo văn bản yêu cầu giải trình hồ sơ.

c.1.2) Trình Lãnh đạo Phòng và Lãnh đạo Cục phê duyệt ký văn bản yêu cầu giải trình hồ sơ.

c.1.3) Sau khi nhận được thông tin giải trình, công chức xử lý hồ sơ thực hiện tuần tự các bước công việc theo hướng dẫn tại Điều này, Điều 5 Quy trình này.

c.2) Trường hợp các nội dung kiểm tra chi tiết phù hợp, đủ điều kiện miễn thuế, công chức xử lý hồ sơ đề nghị miễn thuế thực hiện các bước quy định tại Điều 5 Quy trình này. Các nội dung kiểm tra chi tiết phù hợp bao gồm:

c.2.1) Giấy phép còn hiệu lực.

c.2.2) Tên hàng, chủng loại hàng hóa phù hợp Bảng theo dõi Kế hoạch nhập khẩu; Số lượng, trị giá hàng hóa không vượt quá số lượng, trị giá còn lại tại Bảng theo dõi Kế hoạch nhập khẩu.

c.2.3) Hàng hóa là phương tiện vận tải chuyên dùng không thuộc Danh mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c.2.4) Tên hàng, quy cách phẩm chất, chủng loại, số lượng, đơn vị tính, trị giá của hàng hóa đề nghị miễn thuế phù hợp với nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng ủy thác nhập khẩu hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa; Giấy phép nhập khẩu và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

c.2.5) Hợp đồng ủy thác nhập khẩu hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa theo văn bản trúng thầu hoặc văn bản chỉ định thầu ghi rõ giá cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu.

c.2.6) Các nội dung kiểm tra chi tiết khác phù hợp.

c.3) Trường hợp một trong các nội dung kiểm tra chi tiết quy định tại điểm c.2 khoản 2 Điều này không phù hợp thì xử lý như sau:

c.3.1) Công chức xử lý hồ sơ đề nghị miễn thuế lập Tờ trình kèm dự thảo Thông báo không đủ điều kiện miễn thuế theo mẫu số 04/TBKMT Phụ lục ban hành kèm theo Quy trình này; trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Cục phê duyệt để trình Lãnh đạo Tổng cục.

c.3.2) Sau khi Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt, Thông báo không đủ điều kiện miễn thuế được chuyển bộ phận văn thư để phát hành theo quy định.

Điều 5. Ban hành Thông báo miễn thuế

Thông báo miễn thuế được ban hành trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện miễn thuế. Việc ban hành Thông báo miễn thuế được thực hiện như sau:

1. Lập, trừ lùi Bảng theo dõi Giấy phép nhập khẩu (trường hợp một Giấy phép nhập khẩu được đề nghị miễn thuế nhiều lần):

a) Trường hợp một Giấy phép nhập khẩu được đề nghị miễn thuế nhiều lần, công chức xử lý hồ sơ đề nghị miễn thuế lần đầu chuyển hồ sơ đến công chức được giao theo dõi Kế hoạch nhập khẩu để lập Bảng theo dõi Giấy phép nhập khẩu theo mẫu số 02/TDGP Phụ lục ban hành kèm theo Quy trình.

b) Công chức được giao theo dõi Kế hoạch nhập khẩu thực hiện trừ lùi hàng hóa đề nghị miễn thuế trên Bảng theo dõi Giấy phép nhập khẩu cho từng hồ sơ đề nghị miễn thuế.

2. Trừ lùi hạn ngạch trên Bảng theo dõi Kế hoạch nhập khẩu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quy trình này.

3. Công chức được giao xử lý lập hồ sơ trình lãnh đạo phê duyệt Thông báo miễn thuế gồm:

- a) Tờ trình Tổng cục đề xuất ban hành Thông báo miễn thuế;
- b) Dự thảo Thông báo miễn thuế theo mẫu số 03/TBMT Phụ lục ban hành kèm theo Quy trình này (02 bản);
- c) Bảng theo dõi Kế hoạch nhập khẩu;
- d) Bảng theo dõi Giấy phép nhập khẩu (nếu có);
- đ) Bộ hồ sơ đề nghị miễn thuế và các tài liệu, chứng từ khác có liên quan (nếu có).

4. Trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Cục phê duyệt: Tờ trình Tổng cục, Bảng theo dõi Kế hoạch nhập khẩu, Bảng theo dõi Giấy phép (nếu có).

5. Trình Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt và ký 02 bản gốc Thông báo miễn thuế.

6. Sau khi Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt, ký trực tiếp 02 bản Thông báo miễn thuế, bộ phận văn thư Tổng cục phát hành Thông báo miễn thuế thực hiện: Khi hoàn thành thủ tục phát hành văn bản, Văn thư Tổng cục gửi 01 bản gốc (có chữ ký trực tiếp) Thông báo miễn thuế cho doanh nghiệp và gửi các bản chính theo phân nơi nhận của văn bản, đồng thời lưu 01 bản gốc còn lại tại Văn thư Tổng cục.

Điều 6. Thời hạn tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị miễn thuế

1. Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị miễn thuế từ khi tiếp nhận đến khi trình Lãnh đạo Tổng cục là 2,5 ngày.

2. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, Tổng cục Hải quan ban hành Thông báo miễn thuế hoặc Thông báo không đủ điều kiện miễn thuế hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

Mục 3

TRÌNH TỰ MIỄN THUẾ TRONG THÔNG QUAN TẠI CHI CỤC HẢI QUAN

Điều 7. Kiểm tra hồ sơ miễn thuế

1. Hồ sơ miễn thuế hàng ANQP theo quy định tại điểm a.2 khoản 2 Điều 14 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

2. Công chức xử lý hồ sơ miễn thuế trong thông quan thực hiện kiểm tra hồ sơ miễn thuế như sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ

a.1) Kiểm tra tính đầy đủ của các loại chứng từ, tài liệu thuộc hồ sơ miễn thuế trong thông quan.

a.2) Kiểm tra tính hợp lệ của bản chính, bản chụp. Kiểm tra Thông báo miễn thuế bản gốc (chữ ký trực tiếp và đóng dấu đỏ).

a.3) Kiểm tra sự thống nhất của các loại chứng từ, tài liệu thuộc hồ sơ miễn thuế trong thông quan.

b) Kiểm tra nội dung miễn thuế

b.1) Kiểm tra, đối chiếu thông tin trên tờ khai hải quan, hồ sơ miễn thuế, Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan và các tài liệu có liên quan: Tên hàng, số lượng, đơn vị tính, quy cách, chủng loại, ký mã hiệu, mã số, xuất xứ, đơn giá, tổng trị giá, số tiền thuế nhập khẩu.

b.2) Kiểm tra việc khai báo “mã phân loại hàng hóa” - mã B: Hàng an ninh, quốc phòng trên tờ khai nhập khẩu theo quy định tại Phụ lục II Thông tư Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

b.3) Kiểm tra việc khai báo mã miễn thuế nhập khẩu hàng an ninh, quốc phòng tại chỉ tiêu 1.92 “Mã miễn/giảm/không chịu thuế nhập khẩu”: XN270 (đối với hàng an ninh), XN271 (đối với hàng quốc phòng) trên tờ khai hải quan dùng trong hệ thống VNACCS/VCIS.

b.4) Kiểm tra việc khai báo “Giấy phép nhập khẩu và Thông báo miễn thuế” đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng tại chỉ tiêu 1.38 “Giấy phép nhập khẩu” trên tờ khai hải quan dùng trong VNACCS/VCIS, cụ thể:

b.4.1) Đối với Giấy phép nhập khẩu hàng hóa phục vụ trực tiếp an ninh/quốc phòng:

- Kiểm tra mã văn bản pháp quy là QP.
- Kiểm tra tại dòng 1 khai báo Giấy phép nhập khẩu như sau:
 - + Ô “Mã phân loại giấy phép” (ô thứ nhất) mã hóa ký tự khai tắt là: QPGP
 - + Ô “Số giấy phép” (ô thứ hai) là: Số, ký hiệu, năm, tháng, ngày của Giấy phép nhập khẩu.

b.4.2) Đối với Thông báo miễn thuế:

- Kiểm tra mã văn bản pháp quy là MT.
- Kiểm tra tại dòng 2 khai báo Thông báo miễn thuế như sau:
 - + Ô “Mã phân loại giấy phép” (ô thứ nhất) mã hóa ký tự khai tắt là: MTTB
 - + Ô “Số giấy phép” (ô thứ hai) là: Số, ký hiệu, năm, tháng, ngày của Thông báo miễn thuế.

b.5) Kiểm tra thời hạn nhập khẩu theo Giấy phép nhập khẩu của Bộ Công an/Bộ Quốc phòng ghi trên Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan.

3. Xử lý kết quả kiểm tra

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; kết quả kiểm tra các nội dung tại khoản 2 Điều này phù hợp, thống nhất thì công chức xử lý hồ sơ thực hiện các bước theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy trình này.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, phản hồi cho doanh nghiệp thông qua hệ thống theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

c) Trường hợp một trong số các nội dung kiểm tra tại khoản 2 Điều này không phù hợp, không thống nhất thì công chức xử lý hồ sơ thực hiện các bước theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy trình này.

Điều 8. Xử lý miễn thuế trong thông quan

1. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện miễn thuế

a) Đối với tờ khai hải quan điện tử: Công chức xử lý hồ sơ đề xuất xử lý miễn thuế tại ô “Cập nhật kết quả và ý kiến của công chức xử lý” trên hệ thống. Sau khi Lãnh đạo đơn vị phê duyệt tại ô “Ý kiến của lãnh đạo” thì chấp nhận thông tin tờ khai và thực hiện các công việc tiếp theo của Quy trình thủ tục hải quan. Việc xử lý miễn thuế được thực hiện ngay trong thông quan.

b) Đối với tờ khai hải quan giấy: Công chức xử lý hồ sơ lập Tờ trình về việc hàng hóa đủ điều kiện miễn thuế kèm hồ sơ báo cáo Lãnh đạo bộ phận trình Lãnh đạo đơn vị phê duyệt. Sau khi Lãnh đạo đơn vị phê duyệt, công chức xử lý hồ sơ thực hiện xử lý miễn thuế ngay trong thông quan, ký tên, đóng dấu công chức và thực hiện các công việc tiếp theo của Quy trình thủ tục hải quan. Ngay sau khi tờ khai đã thông quan, công chức thực hiện đồng bộ dữ liệu tờ khai nhập khẩu miễn thuế từ Hệ thống Ecustoms về Hệ thống miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa điện tử để đồng bộ và quản lý dữ liệu miễn thuế.

c) Trường hợp Thông báo miễn thuế được sử dụng cho một lần nhập khẩu thì Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký tờ khai hải quan thu hồi bản gốc Thông báo miễn thuế của doanh nghiệp để lưu cùng hồ sơ nhập khẩu.

d) Trường hợp Thông báo miễn thuế được sử dụng cho nhiều lần nhập khẩu:

d.1) Công chức hải quan tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai nhập khẩu lần đầu thực hiện:

d.1.1) Lập Phiếu theo dõi trừ lùi hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng (sau đây gọi là Phiếu theo dõi trừ lùi) theo mẫu số 05/PTDTL Phụ lục ban hành kèm theo Quy trình này vào sổ theo dõi.

d.1.2) Ghi trên trang đầu của bản gốc Thông báo miễn thuế do doanh nghiệp xuất trình “**Chi cục Hải quan...đã cấp Phiếu theo dõi trừ lùi số...ngày...(gồm...trang)**” và trình Lãnh đạo Chi cục ký, đóng dấu Chi cục.

d.1.3) Cập nhật số lượng, trị giá, trừ lùi hàng hóa đã nhập khẩu miễn thuế vào bản chính Phiếu theo dõi trừ lùi.

d.1.4) Trình Lãnh đạo Chi cục hải quan ký, đóng dấu xác nhận vào Phiếu theo dõi trừ lùi bản chính.

d.1.5) Lưu 01 bản chụp Thông báo miễn thuế và 01 bản chụp Phiếu theo dõi trừ lùi cùng hồ sơ nhập khẩu. Giao cho doanh nghiệp 01 bản chính Phiếu theo dõi trừ lùi; Trả lại Thông báo miễn thuế bản gốc cho doanh nghiệp để tiếp tục làm thủ tục cho những lần nhập khẩu tiếp theo.

d.2) Công chức hải quan tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai nhập khẩu các lần tiếp theo thực hiện:

d.2.1) Thực hiện theo quy định tại tiết d.1.3 và d.1.4 điểm d khoản này.

d.2.2) Lưu 01 bản chụp Thông báo miễn thuế và 01 bản chụp Phiếu theo dõi trừ lùi cùng hồ sơ nhập khẩu. Trả Phiếu theo dõi trừ lùi bản chính và Thông báo miễn thuế bản gốc cho doanh nghiệp để tiếp tục làm thủ tục cho những lần nhập khẩu tiếp theo.

d.3) Công chức hải quan tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai nhập khẩu cuối cùng thực hiện:

d.3.1) Thực hiện theo quy định tại tiết d.1.3 điểm d khoản này và xác nhận lên bản chính Phiếu theo dõi trừ lùi về việc đã nhập khẩu hết hàng hóa theo Thông báo miễn thuế.

d.3.2) Thực hiện theo quy định tại tiết d.1.4 điểm d khoản này.

d.3.3) Cấp cho doanh nghiệp 01 bản chụp Phiếu theo dõi trừ lùi.

d.3.4) Thu hồi bản gốc Thông báo miễn thuế của doanh nghiệp và bản chính Phiếu theo dõi trừ lùi để lưu cùng hồ sơ nhập khẩu.

2. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện miễn thuế

a) Đối với tờ khai điện tử: Công chức xử lý hồ sơ đề xuất về việc hồ sơ không đủ điều kiện miễn thuế tại ô “Cập nhật kết quả và ý kiến của công chức xử lý” trên hệ thống. Sau khi Lãnh đạo đơn vị phê duyệt tại ô “Ý kiến của Lãnh đạo”, công chức thông báo cho doanh nghiệp, thực hiện các thủ tục thu thuế và xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định.

b) Đối với tờ khai hải quan giấy: Công chức hải quan lập Tờ trình về việc hàng hóa không đủ điều kiện miễn thuế kèm hồ sơ báo cáo Lãnh đạo đơn vị phê duyệt. Sau khi Lãnh đạo đơn vị phê duyệt, công chức xử lý hồ sơ thông báo cho doanh nghiệp, thực hiện các thủ tục thu thuế và xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định.

c) Các trường hợp không đủ điều kiện miễn thuế, Chi cục Hải quan báo cáo bằng văn bản về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế xuất nhập khẩu) ngay trong

ngày làm thủ tục hải quan theo mẫu số 07/BCKMT Phụ lục ban hành kèm theo Quy trình này.

Mục 4

BÁO CÁO MIỄN THUẾ; LƯU TRỮ HỒ SƠ

Điều 9. Báo cáo của Chi cục Hải quan

1. Định kỳ hàng quý, Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký tờ khai làm thủ tục nhập khẩu hàng an ninh, quốc phòng theo Quy trình này lập và gửi báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố về việc thực hiện các Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan đã phát sinh nhập khẩu trong quý tại Chi cục theo mẫu số 06/BCANQP Phụ lục ban hành kèm theo Quy trình này.

2. Thời hạn Chi cục gửi báo cáo về Cục Hải quan tỉnh, thành phố trước ngày 5 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp.

Điều 10. Báo cáo của Cục Hải quan

1. Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm đôn đốc các Chi cục trực thuộc có phát sinh thủ tục miễn thuế hàng ANQP báo cáo về Cục, tổng hợp báo cáo của các Chi cục theo mẫu số 06/BCANQP Phụ lục ban hành kèm theo Quy trình này và báo cáo về Tổng cục Hải quan trước ngày 10 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp. Số liệu miễn thuế báo cáo Tổng cục Hải quan phải được kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo thống nhất với số liệu miễn thuế trên Hệ thống Kế toán thuế tập trung.

2. Trường hợp trong quý tại Chi cục, Cục Hải quan tỉnh, thành phố không phát sinh nhập khẩu hàng an ninh, quốc phòng thì không phải báo cáo.

Điều 11. Kiểm tra xử lý báo cáo tại Tổng cục Hải quan

1. Đối với báo cáo của Chi cục tại điểm c khoản 2 Điều 8 Quy trình này, công chức được phân công tại Cục Thuế xuất nhập khẩu kiểm tra lý do không đủ điều kiện miễn thuế và lập báo cáo kèm đề xuất trình lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Cục, Lãnh đạo Tổng cục.

2. Đối với báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố tại Điều 10 Quy trình này, công chức được phân công tại Cục Thuế xuất nhập khẩu kiểm tra và tổng hợp số liệu miễn thuế theo từng quý theo mẫu số 06/BCANQP Phụ lục ban hành kèm theo Quy trình này, báo cáo Lãnh đạo Tổng cục khi có yêu cầu.

Số liệu miễn thuế của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố phải được kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo thống nhất với số liệu miễn thuế trên Hệ thống Kế toán thuế tập trung.

Điều 12. Lưu trữ hồ sơ

Công chức Hải quan, bộ phận liên quan thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ miễn thuế hàng hóa nhập khẩu trực tiếp phục vụ an ninh, quốc phòng trước và trong thông quan chịu trách nhiệm quản lý, lập hồ sơ bàn giao hồ sơ và lưu trữ theo quy định của đơn vị và pháp luật liên quan. Đặc biệt lưu ý đối với các văn bản tài liệu MẬT./.



Phụ lục

**BIỂU MẪU VỀ MIỄN THUẾ HÀNG HÓA CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ
TRỰC TIẾP AN NINH, QUỐC PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1356/QĐ-TCHQ ngày 18 tháng 5 năm 2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

STT	Tên Biểu mẫu	Số hiệu
1	Bảng theo dõi Kế hoạch nhập khẩu	01/HNNK
2	Bảng theo dõi Giấy phép nhập khẩu	02/TDGP
3	Thông báo miễn thuế hàng an ninh/quốc phòng	03/TBMT
4	Thông báo không đủ điều kiện miễn thuế hàng an ninh/quốc phòng	04/TBKMT
5	Phiếu theo dõi trừ lùi	05/PTDTL
6	Báo cáo miễn thuế hàng an ninh/quốc phòng	06/BCANQP
7	Báo cáo từ chối miễn thuế hàng an ninh/quốc phòng	07/BCKMT

BẢNG THEO DÕI KẾ HOẠCH NHẬP KHẨU HÀNG AN NINH/QUỐC PHÒNG

(Kế hoạch nhập khẩu theo Quyết định số ... ngày / / của...)

- Mục ...,Phụ lục....
- Hạn ngạch nhập khẩu: USD; ...chiếc/bộ
- Loại hàng:

STT	Công văn đề nghị miễn thuế		Tên doanh nghiệp	Số lượng- Trị giá	Hạn ngạch còn lại	Công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	Lãnh đạo Cục	Ghi chú
	Số công văn	Ngày công văn							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(9)	(10)

Mẫu số 02/TDGP

**BẢNG THEO DÕI GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
HÀNG HÓA MIỄN THUẾ PHỤC VỤ AN NINH/QUỐC PHÒNG**

- Giấy phép số:.....ngày .../.../...
- Hợp đồng số: ... ngày .../.../.... ;Tổng trị giá: ...
- Tên doanh nghiệp:; mã số thuế.....

STT	Công văn đề nghị miễn thuế số, ngày, tháng, năm	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số hàng đề nghị miễn thuế		Số hàng còn lại chưa có Thông báo miễn thuế		Công chức xử lý	Lãnh đạo Phòng	Lãnh đạo Cục	Ghi chú
				Số lượng	Trị giá (USD)	Số lượng	Trị giá (USD)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Lưu ý: Mục (7) là số lượng còn lại của hàng hóa có tên tương ứng tại mục (3)

Mục (8) là trị giá còn lại của hàng hóa có tên tương ứng tại mục (3)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-TCHQ

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp
cho an ninh/quốc phòng

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số...ngày...của...về việc phê duyệt Kế hoạch nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh/quốc phòng năm...

Căn cứ...

Theo đề nghị tại công văn số ... ngày.../.../... của (Bộ Công an/Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Công an/Bộ Quốc phòng ủy quyền, phân cấp) về việc miễn thuế nhập khẩu hàng hóa phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng và hồ sơ kèm theo.

Tổng cục Hải quan thông báo miễn thuế hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng như sau:

1. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu:

- Tên doanh nghiệp nhập khẩu: ...; Mã số thuế: ...; Địa chỉ: ...
- Đơn vị chủ đầu tư:; Địa chỉ:...
- Giấy phép nhập khẩu số ... ngày.../.../...
- Thời hạn nhập khẩu theo Giấy phép nhập khẩu: Đến hết ngày...
- Hợp đồng nhập khẩu số... ngày .../.../....
- Hợp đồng ủy thác nhập khẩu hoặc hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa theo văn bản trúng thầu hoặc văn bản chỉ định thầu số ... ngày .../.../..

- Tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa nhập khẩu (theo Danh mục đính kèm)

2. Bộ Công an/Bộ Quốc phòng có trách nhiệm quản lý và chỉ đạo (*đơn vị chủ đầu tư*) sử dụng lô hàng trên đúng mục đích quy định được miễn thuế nhập khẩu, không được nhượng bán. Nếu sử dụng sai mục đích miễn thuế hoặc nhượng bán sẽ bị truy thu thuế nhập khẩu và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp nhập khẩu có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu thực hiện kiểm tra, đối chiếu Thông báo này với hồ sơ hải quan để xử lý miễn thuế nhập khẩu theo quy định.

Tổng cục Hải quan thông báo đề (*Bộ Công an/Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Công an/Bộ Quốc phòng ủy quyền, phân cấp*) biết và phối hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ CA/Bộ QP (để c/đạo);
- Đơn vị được Bộ CA/Bộ QP ủy quyền, phân cấp (để biết và phối hợp);
- Vụ I- BTC (để phối hợp);
- Đơn vị chủ đầu tư (để biết);
- Cục HQ tỉnh, TP (để chỉ đạo);
- Chi cục HQ... (để t/hiện);
- Công ty ... (nhận 01 bản gốc có giá trị làm thủ tục hải quan);
- Lưu: VT, TXNK - tên công chức xử lý (03b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Lưu ý: Cơ quan hải quan làm thủ tục nhập khẩu dự kiến tại mục “Nơi nhận” có thể thay đổi.



DANH MỤC HÀNG HÓA MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông báo số ... /TB-TCHQ ngày ... /... /...
của Tổng cục Hải quan)

[illegible]

Mẫu số 04/TBKMT

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-TCHQ

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc không đủ điều kiện miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số...ngày...của...về việc phê duyệt Kế hoạch nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh/quốc phòng năm...

Căn cứ...

Theo đề nghị tại công văn số ... ngày.../.../... của (Bộ Công an/Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Công an/Bộ Quốc phòng ủy quyền, phân cấp) về việc miễn thuế nhập khẩu hàng hóa phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng và hồ sơ kèm theo.

Tổng cục Hải quan thông báo không đủ điều kiện miễn thuế hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng như sau:

1. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu:

- Tên doanh nghiệp nhập khẩu: ...; Mã số thuế: ...; Địa chỉ: ...
- Đơn vị chủ đầu tư: ...; Địa chỉ: ...
- Giấy phép nhập khẩu số ... ngày.../.../...
- Thời hạn nhập khẩu theo Giấy phép nhập khẩu: Đến hết ngày...
- Hợp đồng nhập khẩu số... ngày .../.../....
- Hợp đồng ủy thác nhập khẩu hoặc hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa theo văn bản trúng thầu hoặc văn bản chỉ định thầu số ... ngày .../.../..

- Tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa nhập khẩu (theo Danh mục đính kèm).

2. Lý do không đủ điều kiện miễn thuế:...

Tổng cục Hải quan thông báo đề (*Bộ Công an/Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Công an/Bộ Quốc phòng ủy quyền, phân cấp*) biết và phối hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ CA/Bộ QP hoặc đơn vị được ủy quyền, phân cấp (để biết và phối hợp);
- Đơn vị chủ đầu tư (để biết);
- Công ty... (để biết);
- Lưu: VT, TXNK - tên công chức xử lý (03b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-TCHQ ngày ... /... /...
của Tổng cục Hải quan)



**PHIẾU THEO DÕI TRỪ LÙI HÀNG HÓA MIỄN THUẾ
NHẬP KHẨU PHỤC VỤ AN NINH, QUỐC PHÒNG**

1. Thông báo miễn thuế số....ngày...tháng...năm... của Tổng cục Hải quan, thời hạn đến hết ngày...tháng...năm...
2. Doanh nghiệp xuất nhập khẩu:.....; Mã số thuế:.....
3. Đăng ký tại Cục/Chi cục Hải quan:.....
4. Số đăng ký: Ngày đăng ký:.....

XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC HẢI QUAN
(Lãnh đạo Chi cục ký, đóng dấu Chi cục)

Số/ngày tờ khai hải quan	Tên hàng	Số hàng làm thủ tục		Số hàng còn lại theo Thông báo miễn thuế		Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Công chức tiếp nhận tờ khai	Lãnh đạo Chi cục
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các tiêu chí tại các mục 1,2,3,4 do cơ quan Hải quan nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi ghi. Khi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi gồm nhiều tờ thì cơ quan Hải quan phải đóng dấu giáp lai.
- Số liệu tại các cột từ (1) đến (8) của Phiếu theo dõi trừ lùi do cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa ghi, trong đó:
Cột (7) - Công chức tiếp nhận tờ khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu công chức;
Cột (8) - Lãnh đạo Chi cục Hải quan ký, ghi rõ họ tên.

TÊN ĐƠN VỊ
Số: _____/BC.....

Mẫu số 06/BCANQP

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XỬ LÝ MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA PHỤC VỤ TRỰC TIẾP CHO AN NINH/QUỐC PHÒNG QUÝ...

I. Báo cáo số tiền thuế nhập khẩu được miễn:

STT	Số ngày Thông báo miễn thuế	Số Tờ khai hải quan	Ngày tờ khai hải quan	Số tiền thuế được miễn	Ghi chú

II. Báo cáo Thông báo miễn thuế đã thực hiện nhập khẩu hết:

STT	Số Thông báo miễn thuế	Ngày thông báo miễn thuế	Ghi chú

Công chức lập báo cáo
(ký ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo đơn vị
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07/BCKMT

CỤC HẢI QUAN...
CHI CỤC HẢI QUAN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm

V/v báo cáo trường hợp từ chối miễn
thuế hàng an ninh/quốc phòng

Kính gửi: Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK)

Chi cục Hải quan.... báo cáo về việc không xử lý miễn thuế hàng hóa chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng như sau:

Căn cứ Thông báo số....ngày....của Tổng cục Hải quan về việc miễn thuế hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng, Chi cục Hải quan....từ chối miễn thuế cho lô hàng thuộc tờ khai hải quan số...ngày...., cụ thể như sau:

STT	Thông báo của Tổng cục Hải quan			Thực tế hàng hóa nhập khẩu		
	Tên hàng	Số lượng	Trị giá	Tên hàng	Số lượng	Trị giá
1						
2						
3						

Lý do không xử lý miễn thuế:.....

(Kèm bản chụp các tài liệu có liên quan)

Nơi nhận:

-;
- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO CHI CỤC

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

13